

XỨ ỦY NAM BỘ VÀ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ KHÁNG CHIẾN Ở NAM BỘ (1945-1954)

TS ĐOÀN THỊ HƯƠNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Xây dựng kinh tế kháng chiến là một nhiệm vụ quan trọng của nhân dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Căn cứ vào đường lối kháng chiến của Đảng, xuất phát từ thực tiễn chiến trường Nam Bộ, nền kinh tế kháng chiến ở Nam Bộ được thực hiện theo phương châm: phát huy mọi khả năng, điều kiện sản xuất nhằm đảm bảo tự cung tự cấp, không trông chờ ỷ lại, đặc biệt là ở những vùng căn cứ; sản xuất, tiết kiệm, phải dựa vào nhân dân, tin ở nhân dân để giải quyết mọi vấn đề; tăng gia sản xuất và tiết kiệm, phải lấy nông nghiệp làm chủ yếu... nhằm thực hiện mục tiêu cách mạng giải phóng dân tộc và thực hiện từng bước các nhiệm vụ dân chủ trong hoàn cảnh kháng chiến.

Từ khóa: Kinh tế kháng chiến; Nam Bộ; Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương Cục miền Nam; 1945-1954

Tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy Nam Bộ (1945-1951) và Trung ương Cục miền Nam (1951-1954), nhân dân Nam Bộ đã nỗ lực hết sức để xây dựng nền kinh tế kháng chiến, thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh, đạt được những thành tựu to lớn.

1. Thực hiện chính sách ruộng đất sáng tạo, phù hợp với đặc điểm Nam Bộ

Đối đầu với họa xâm lăng của thực dân Pháp, Đảng, Chính phủ chủ trương tiếp tục “cuộc cách

mạng dân tộc giải phóng”, thực hiện khẩu hiệu “Dân tộc trên hết”, “Tổ quốc trên hết”, chưa tiến hành nhiệm vụ phản phong để tập trung mọi nguồn lực vào cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc. Khẩu hiệu “Người cày có ruộng” - một nhiệm vụ được xác định ngay từ khi Đảng ra đời, cũng là khát vọng của nhân dân được tiến hành dưới những biện pháp, cách thức linh hoạt. Đảng và Chính phủ đã thực hiện ngay việc tịch thu ruộng đất của đế quốc, việt gian chia cho dân nghèo, chia lại ruộng công theo nguyên tắc dân chủ: chia cho nam nữ công dân, không phân biệt người theo lương hay theo giáo; cấp ruộng đất

vắng chủ, bỏ hoang cho nông dân thiếu ruộng, ban hành thông tư giảm tô 25% cho nông dân,...

Tại Nam Bộ, trong những năm đầu kháng chiến, dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy, Ủy ban Nam Bộ (Ủy ban có những tên gọi khác nhau theo từng thời điểm: Lâm ủy Hành chính Nam Bộ, Ủy ban nhân dân Nam Bộ, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, Ủy ban kháng chiến - hành chính Nam Bộ. Trong nhiều văn kiện lưu trữ viết chung là Ủy ban Nam Bộ), các cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo nhân dân thực hiện tăng gia sản xuất để đủ ăn đủ mặc, đủ vũ khí đánh giặc. Thực hiện chủ trương của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại Hội nghị kinh tế toàn quốc (tháng 6-1948): “chúng ta phải có một nền kinh tế kháng chiến. Nền kinh tế đó làm cơ sở cho nền kinh tế kiến quốc”; làm cho “thực túc binh cường”, một mặt phá tan kinh tế địch, một mặt xây dựng kinh tế của ta¹. Xứ ủy Nam Bộ vừa đẩy mạnh thực triển khai thực hiện chính sách ruộng đất, vừa thực hành sản xuất, tự cấp tự túc trong các khu căn cứ, khu du kích.

Về thực hiện chính sách ruộng đất, Xứ ủy Nam Bộ vận động nhân dân thực hiện giảm tô 25%, vận động địa chủ hiến điền; tiến hành tạm cấp ruộng đất quản thu, ruộng đất vắng chủ, ruộng đất có chủ nhưng bỏ hoang cho nông dân nghèo. Thực hiện Chỉ thị ngày 14-10-1949 của Trung ương Đảng về tạm cấp ruộng đất tịch thu của thực dân Pháp và Việt gian, tạm giao ruộng đất vắng chủ cho nông dân nghèo không có hoặc thiếu đất sản xuất, ngày 5-1-1950, Xứ ủy Nam Bộ ra Chỉ thị số 113/CTX “Về việc tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo”, *chính thức phát động phong trào tạm cấp ruộng đất trên toàn Nam Bộ*. Nhờ số ruộng đất tạm được cấp, một bộ phận nông dân ở Nam Bộ có điều kiện tự túc sản xuất, bớt phụ thuộc vào địa chủ, đóng góp “nuôi dưỡng” du kích, bộ đội địa phương; đóng góp cho kháng chiến. Bên cạnh

việc tạm cấp ruộng đất, thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ, các tỉnh Mỹ Tho, Long Châu Sa, Bà Chợ, Gia Định Ninh... tiến hành chia công điền cho các gia đình chiến sĩ, thương binh, mức chia trung bình mỗi gia đình nửa mẫu.

Thực hiện Sắc lệnh giảm tô của Chính phủ ban hành ngày 14-7-1949, các cấp bộ đảng, chính quyền vận động, tổ chức nông dân đấu tranh buộc địa chủ thực hiện đúng cam kết giảm tô cho nông dân. Tùy thuộc vào ưu thế của phong trào kháng chiến, từng địa phương ở Nam Bộ đặt ra định mức giảm tô khác nhau². Đến đầu năm 1950, các cấp ủy và chính quyền địa phương đẩy mạnh hoàn thành giảm tô, thực hiện đúng quy định của Chính phủ giảm tô 25%³ so với mức địa tô trước Cách mạng Tháng Tám 1945, xoá bỏ các loại tô phụ,... Hình thức phổ biến nhất là tổ chức cho nông dân và chủ ruộng làm giao kèo đảm bảo quyền lợi giảm tô, bảo vệ vốn cho nông dân; vận động chống âm mưu tăng tô.

Xứ ủy Nam Bộ đã đề ra chủ trương và chỉ đạo các địa phương khuyến khích, động viên các địa chủ hiến điền. Theo báo cáo tại Hội nghị Thường vụ mở rộng của Xứ ủy Nam Bộ (tháng 2-1951), đến cuối năm 1950, trên địa bàn 16 tỉnh Nam Bộ đã hiến được 12.132 mẫu. Những thành quả do vận động hiến điền không chỉ đem lại phần lợi ích cho nông dân mà còn góp phần xây dựng khối đoàn kết kháng chiến của nhân dân Nam Bộ.

Sau khi thành lập, ngày 7-6-1951, Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo tiếp tục xây dựng nền kinh tế kháng chiến trong hoàn cảnh mới, các cấp ủy Đảng, địa phương, nhân dân Nam Bộ thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng ở Nam Bộ với sự linh hoạt sáng tạo, với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước nhân dân Nam Bộ. Vai trò của các cấp bộ Đảng được phát huy trong lãnh đạo xây dựng nền kinh tế kháng chiến, trước hết là trong tổ chức thực hiện hiệu chính sách ruộng đất hiệu quả,

trên nguyên tắc bảo đảm khối đại đoàn kết dân tộc. Việc tạm cấp ruộng đất, giảm tô, giảm tức, việc phát động quần chúng nhân dân thực hiện “người cày có ruộng” phải bảo đảm “không làm tổn hại đến đoàn kết dân tộc”. Trung ương Cục chỉ đạo các đảng bộ một mặt tích cực vận động dân cày giác ngộ quyền lợi lâu dài về đất đai, một mặt vận động địa chủ hiền điền. Cuộc vận động này kéo dài suốt 3 năm (1951-1953), đã đem lại thành quả tích cực cả về đời sống sản xuất và góp phần bảo đảm chính sách mặt trận đoàn kết rộng rãi ở Nam Bộ.

Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, việc tạm cấp ruộng đất chú trọng hơn tính hiệu quả. Chỉ tính từ tháng 6-1952, 11 tỉnh ở Nam Bộ là Bà Chợ, Thủ Biên, Gia Định Ninh, Mỹ Tho, Long Châu Hà, Bến Tre, Vĩnh Trà, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá đã tạm cấp 227.100,25 mẫu ruộng cho 341.513 nhân khẩu ở Nam Bộ⁴. Việc tạm cấp ruộng, giảm tô, xóa những khoản nợ nhân dân vay trước Cách mạng Tháng Tám 1945 đã có tác dụng đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, xây dựng xã chiến đấu, phong trào “nuôi dưỡng” bộ đội địa phương, trong việc phát triển Hội nông dân ở một số địa phương. Tại miền Tây Nam Bộ, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Bạc Liêu đã tạm cấp cho các hộ dân nghèo trong vùng giải phóng 50.000 ha, vùng ven thị xã Bạc Liêu thực hiện được 90% số hộ cần đất. Đảng ủy, chính quyền tỉnh tỉnh Cần Thơ tạm cấp được 45.000 ha và Sóc Trăng được 42.000 ha, chiếm khoảng 50% đất canh tác ở vùng nông thôn giải phóng và vùng du kích ta kiểm soát⁵. Công tác giảm tô cũng được Trung ương Cục quan tâm và thu được nhiều kết quả. Đến năm 1953, phần lớn địa chủ còn ở lại đã giảm tô, mức địa tô giảm từ 20 đến 50%⁶.

Ở Phân Liên khu miền Đông, trong các vùng căn cứ Dương Minh Châu, Châu Thành, tỉnh Gia

Định Ninh, căn cứ Đồng Nai của tỉnh Thủ Biên, Long Điền - Đất Đỏ của tỉnh Bà Chợ hình thức tô gân như không còn, vì hầu hết không còn địa chủ. Căn cứ Mộc Hóa của tỉnh Mỹ Tho và Tân Hồng của tỉnh Long Châu Sa (Đồng Tháp Mười) chỉ còn ít địa chủ, việc thực hiện giảm tô theo đúng quy định của Chính phủ. Sau thời gian dài, các cấp ủy đảng, đảng bộ các địa phương tích cực thực hiện chính sách giảm tô đã đem lại quyền lợi thiết thực cho nông dân, góp phần thúc đẩy tinh thần sản xuất và chiến đấu, tòng quân, đóng góp cho kháng chiến. Công tác tổ chức thực hiện chính sách ruộng đất ở vùng giải phóng miền Tây Nam Bộ, có ý nghĩa như một cuộc cải cách thực sự, nông dân phấn khởi, cuộc sống được cải thiện, tích cực ủng hộ kháng chiến.

Những kết quả từ thực hiện chính sách ruộng đất đã đem lại tinh thần, động lực mới cho nhân dân trong vùng căn cứ ở các địa bàn thuộc Nam Bộ đẩy mạnh sản xuất, góp phần xây dựng nền kinh tế kháng chiến, phục vụ tối đa cho nhiệm vụ kháng chiến từng bước, giành thắng lợi. Những chủ trương, biện pháp tạm cấp ruộng đất của Xứ ủy Nam Bộ đã tác động tích cực trong việc nâng cao tinh thần hăng hái sản xuất và chiến đấu, sức đóng góp và ủng hộ của nông dân cho phong trào kháng chiến.

2. Thực hiện tăng gia sản xuất, tự cung tự cấp và thực hành tiết kiệm

Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, đề ra những vấn đề cơ bản về chủ trương, đường lối, phương pháp cách mạng, lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ chế độ, kháng chiến gắn liền với kiến quốc. Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ cấp bách về kinh tế - tài chính: khôi phục sản xuất công nghiệp, cho tư nhân góp vốn kinh doanh các nhà máy, khai mỏ, khuyến khích giới

công thương, mở hợp tác xã, mở hội cổ phần; hỗ trợ và khuyến khích sản xuất nông nghiệp, sửa chữa đê điều, lập quốc gia ngân hàng, lập ngân quỹ toàn quốc và ngân quỹ xứ, tinh, phát hành giấy bạc, định lại các ngạch thuế.

Trên cơ sở đó, đầu năm 1950, để phát huy thành quả đạt được từ những năm đầu kháng chiến, Xứ ủy nhấn mạnh việc thực hiện chính sách ruộng đất phải gắn chặt với đẩy mạnh tăng gia sản xuất tự cấp trong vùng căn cứ, “thực hiện chính sách kinh tế mới”: vận động phong trào sản xuất tự túc mạnh mẽ trong nhân dân vùng căn cứ, trong bộ đội và cơ quan, gây phong trào hợp tác sản xuất, bao vây kinh tế địch.

Đến đầu năm 1951, Hội nghị Thường vụ Xứ ủy mở rộng họp (từ ngày 16 đến 20-2), bàn về nhiệm vụ phát triển kinh tế. Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ: *Tích cực tăng gia sản xuất để tự cung tự cấp* với các công tác cụ thể: Xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu, khả năng của từng vùng, từng tỉnh, từng khu; điều hòa mức sản xuất. Đẩy mạnh tổ chức hợp tác xã, nhất là trong nông nghiệp theo các hình thức từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao. Tổ chức tiếp tế giữa các liên xã, tỉnh, khu và toàn Nam Bộ để điều hòa nền kinh tế và nắm vững nội ngoại thương; Thi hành tiết kiệm trong nhân dân.

Xuất phát từ thực tiễn chiến trường Nam Bộ là căn cứ, khu du kích, vùng tạm chiếm đan xen, biến động, lại xa Trung ương, việc tiếp tế có nhiều trở ngại, Trung ương Cục miền Nam đề ra phương châm thực hiện công tác kinh tế phục vụ kháng chiến là: phát huy mọi khả năng, điều kiện sản xuất nhằm *đảm bảo tự cung tự cấp, không trông chờ ý lại*, đặc biệt là ở những vùng căn cứ; sản xuất, tiết kiệm phải dựa vào nhân dân, tin ở nhân dân để giải quyết mọi vấn đề; tăng gia sản xuất và tiết kiệm, phải lấy nông nghiệp làm chủ yếu...

Trên cơ sở đặc điểm và tình hình cụ thể, Trung ương Cục xác định các nhiệm vụ kinh tế, tài chính cho các Phân Liên khu những trong năm tiếp theo. Trung ương Cục đề ra nhiệm vụ cụ thể xây dựng nền kinh tế kháng chiến của Phân Liên khu miền Đông là: Cùng với vận động một phong trào sản xuất tự túc mạnh mẽ trong nhân dân, trong căn cứ, trong bộ đội và cơ quan; hoàn thành đúng đắn tạm cấp đất và giảm tô, tức, gây phong trào sản xuất tập đoàn, vận công; hướng dẫn việc trao đổi giữa các vùng căn cứ và du kích đúng với tinh thần tự cung tự cấp, làm cho kinh tế vùng du kích bớt phụ thuộc vào kinh tế địch...

Đối với Phân liên khu miền Tây, Trung ương Cục miền Nam nêu rõ những công tác trọng tâm của nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế kháng chiến trong vùng tự do, vùng du kích: Công tác sản xuất và tiết kiệm là một trung tâm công tác trong vùng tự do, là một công tác rất trọng yếu trong vùng du kích. Mục đích tăng gia sản xuất và tiết kiệm là cải thiện đời sống nhân dân để tăng cường sự đoàn kết chiến đấu; tăng số thu nhập vào ngân quỹ quốc gia đủ đảm bảo cho bộ đội ở tiền tuyến và làm giảm nhẹ dần sự đóng góp của nhân dân; làm cho nền kinh tế quốc dân được phong thịnh, mậu dịch được phát triển, tiền tệ được vững mạnh; tăng cường sức đấu tranh kinh tế với địch. Nghị quyết “Về tình hình kinh tế kinh tế tài chính” của Phân Liên khu ủy miền Tây, bao gồm chương trình, kế hoạch thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, trong năm 1953 (được Trung ương Cục thông qua), cũng nêu rõ: “Công tác sản xuất và tiết kiệm là một trung tâm công tác của chúng ta trong vùng tự do, và là một công tác rất trọng yếu trong vùng du kích hiện nay”⁷.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục, quân và dân Nam Bộ đã thực hiện tích cực nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế tự cung, tự cấp phục vụ kháng chiến ở các vùng căn cứ. Ở miền Đông

Nam Bộ, Ban Căn cứ địa quy định khu vực đất đai cho các đơn vị, cơ quan tổ chức sản xuất với mục tiêu tự cấp tự túc lương thực, thực phẩm từ 3 tháng, 6 tháng đến 1 năm, giảm nhẹ đóng góp cho nhân dân trong căn cứ. Trong vùng giải phóng ở miền Tây, vụ mùa năm 1951-1952 sản xuất được 440.000 tấn thóc, tăng 40% so với vụ mùa năm 1950-1951, thừa 140.000 tấn. Vùng Đồng Tháp Mười sản xuất được 133.560 tấn thóc, thừa 20.000 tấn. Phần lớn các tỉnh ở miền Đông như Bà Chơ, Thủ Biên, Mỹ Tho, Long Châu Hà tự túc được nhu cầu cơ bản về lương thực⁸. Khu vực miền Tây Nam Bộ, điều kiện thuận lợi, nông dân trong các căn cứ các tỉnh miền Tây được mùa, sản xuất lương thực bảo đảm nhu cầu cho bộ đội, du kích và bảo đảm dự trữ và có dư thừa. Một phong trào vận động nhân dân tiết kiệm, dùng phần sản phẩm dư thừa đó để chăn nuôi, cung cấp thêm nguồn thực phẩm trong vùng căn cứ, ủng hộ bộ đội, du kích địa phương.

Nhận thấy tình hình công tác, sinh hoạt của các bộ, đảng viên và nhân dân trong vùng căn cứ miền Tây phát sinh hiện tượng lãng phí, không tiết kiệm khi được mùa, thuận lợi, Trung ương Cục đẩy mạnh phát động phong trào thực hành tiết kiệm để kháng chiến. Phong trào được tổ chức hầu hết trong các cơ quan chính quyền, đoàn thể, Mặt trận, bộ đội đóng tại các căn cứ. Nhân dân được vận động, hưởng ứng tiết kiệm lương thực, thực phẩm, và hoàn thành nghĩa vụ thuế để đóng góp nhiều hơn cho kháng chiến; góp vào quỹ ủng hộ bộ đội, du kích, ủng hộ đồng bào chiến sĩ ở miền Đông gặp khó khăn. Cùng với tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, nhân dân Nam Bộ vượt qua thiệt hại nặng nề do bão lũ lớn gây ra năm 1952, ổn định đời sống, giữ vững sản xuất, chiến đấu.

Với sự lãnh đạo của Trung ương Cục ở một tầm mức cao hơn, nhiệm vụ xây dựng kinh tế

kháng chiến ở Nam Bộ với những điểm mới được tiến hành hiệu quả hơn đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn của cuộc kháng chiến đang phát triển mạnh, hòa nhịp với phong trào kháng chiến cả nước.

3. Thực hiện chính sách tài chính kháng chiến, bảo vệ kinh tế kháng chiến gắn với đấu tranh kinh tế với địch

Chi thị *Kháng chiến kiến quốc* nêu rõ nhiệm vụ Nam Bộ là “phải cắt đứt đường dây liên lạc giữa các thành phố đã lọt vào tay địch, phong tỏa những thành phố ấy về kinh tế, bao vây về chính trị, nhiều loạn về quân sự”⁹. Thực hiện những nhiệm vụ cơ bản trong Chi thị *Kháng chiến kiến quốc*, ngay trong những năm đầu kháng chiến, Xứ ủy Nam Bộ chỉ đạo các cấp ủy, phải phát động nhân dân đoàn kết, đấu tranh bảo vệ thành quả ruộng đất, bảo vệ sản xuất, chống địch cướp lúa, cướp đất của nông dân. Bên cạnh sản xuất tự cấp tự túc, tiến hành bao vây kinh tế địch, không mua bán, vận chuyển lương thực, thực phẩm vào vùng địch, không chuyển các vật phẩm từ trong vùng địch kiểm soát ra căn cứ. Tuy nhiên, chính sách bao vây kinh tế địch không phát huy hiệu quả, mà nhiều nơi làm quá mức, có tác động ngược, thành “ta tự phong tỏa”, trong khi nhiều mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất, sinh hoạt trong vùng căn cứ ta chưa sản xuất được hoặc còn thiếu, đã gây tình trạng khó khăn, thiếu thốn, ảnh hưởng đời sống, sản xuất của nhân dân. Trong khi đó, địch tăng cường đánh phá sâu vào các khu căn cứ của ta, cướp bóc, phá hoại mùa màng, tài sản của nhân dân. Đến năm 1950, Thường vụ Xứ ủy xác định rõ nhiệm vụ phải tập trung “Bảo vệ mùa màng cho nhân dân, chống địch phá hoại. Bộ đội địa phương, dân quân du kích phải coi đây là nhiệm vụ chiến lược của mình”¹⁰.

Trước sức đánh phá hết sức ác liệt của địch đốt sạch, phá sạch với qui mô lớn vào căn cứ của ta, năm 1952, Trung ương Cục miền Nam xác định nhiệm vụ chung của toàn Nam Bộ là “*giữ người, giữ của, xây dựng người, xây dựng của*”¹¹, đề ra nhiệm vụ quân sự là kiềm chế giặc cho chiến trường chính, phát động sâu rộng chiến tranh du kích, tiêu hao, tiêu diệt địch, giành đất, giành người và của với giặc, mở rộng khu du kích, vùng tự do và bảo vệ căn cứ. Các công tác chính của quân, dân Nam Bộ là: chống kế hoạch của địch chiếm đóng sâu vào các vùng căn cứ, phá căn cứ của ta; chống kế hoạch cướp của, cướp người của địch; đặc biệt chú trọng giành đất, sử dụng người và của trong vùng du kích, vùng địch hậu; tiêu diệt và tiêu hao nhiều nhất sinh lực địch, đồng thời ra sức xây dựng lực lượng ta; bảo vệ kinh tế và thực hiện kế hoạch tăng gia sản xuất tự cung tự cấp, phá bao vây kinh tế của địch, đồng thời tích cực đánh phá kinh tế của địch, chú trọng cướp quân nhu địch làm quân nhu của ta...¹².

Trung ương Cục chủ trương bỏ chính sách “bao vây kinh tế địch,” chuyển sang đấu tranh kinh tế với địch trên nhiều mặt. Chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến gắn với phá hoại kinh tế địch theo phương châm phát triển kinh tế đến đâu phá kinh tế địch đến đấy là đúng đắn, song trên thực tế việc phá kinh tế địch chưa thật sự hiệu quả. Trung ương Cục miền Nam đã nhận thức lại và kịp thời điều chỉnh chính sách, chỉ đạo phù hợp hơn việc trao đổi buôn bán giữa vùng tự do, căn cứ, vùng du kích, vùng tạm chiếm, đồng thời có kiểm soát và vận động nhân dân cảnh giác với các thủ đoạn, âm mưu địch phá hoại kinh tế - tài chính của ta.

Từ sự điều chỉnh chính sách của Trung ương Cục, nhiều khó khăn vướng mắc được giải quyết. Các tuyến hành lang tiếp tế, vận chuyển từ các khu các căn cứ, từ vùng tự do vào vùng tạm

chiếm được hình thành, với nhiều hình thức cả công khai và bí mật. Đặc biệt là, ngay trung tâm Sài Gòn-Chợ Lớn, ta cũng thiết lập được những trạm thu mua, tiếp nhận, vận chuyển hàng hóa. Ban Vận tải miền Đông xây dựng được hành lang vận tải chiến lược nối thông từ miền Tây về căn cứ Khu 7 với tuyến đường dài hơn 7 km xuyên qua các địa bàn kênh rạch, đầm lầy, các vùng địch kiểm soát ngặt nghèo¹³.

Trong lĩnh vực tài chính kháng chiến, trước tình hình địch dùng mọi cách đánh phá vào các căn cứ, phá hoại nền kinh tế kháng chiến, lũng đoạn, phá giá đồng bạc của ta, Trung ương Cục miền Nam chỉ rõ công tác trước mắt: tạm thời không phát hành thêm đồng bạc Việt Nam; thực hiện thu đến đâu, chi đến đó, đấu tranh tiền tệ với địch, giữ vững giá đồng bạc Việt Nam; gây phong trào tiết kiệm, chống xa xỉ, xây dựng tác phong lao động trong đội viên, nhân viên, cán bộ; chấn chỉnh tổ chức kinh tế, sửa đổi lỗi làm việc, bố trí lại cán bộ để đảm bảo thực hiện chính sách kinh tế, nắm vững tình hình sản xuất ở xã¹⁴. Đấu tranh kinh tế với địch được thực hiện ở các lĩnh vực thuế khóa, mậu dịch và tiền tệ với nhiều biện pháp, rất sáng tạo của cấp ủy và nhân dân, trong đó, quan tâm đến lợi ích của nhân. Chấp nhận lưu hành trong nhân dân cả tiền Đông Dương và đồng bạc Củ Hồ để lưu thông hàng hóa giữa các vùng tạm chiếm, căn cứ, tranh chấp, song có sự kiểm soát bảo đảm được tỷ giá và giữ giá trị đồng tiền Việt Nam. Đối với các địa phương, Trung ương Cục miền Nam cũng có sự lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp với đặc điểm từng vùng, đồng thời nêu cao tinh thần tự chủ, sáng tạo của nhân dân, cán bộ địa phương, cơ sở trong triển khai nhiệm vụ bảo vệ kinh tế kháng chiến, đấu tranh kinh tế với địch.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Xứ

sử Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam, nhân dân Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế kháng chiến trong hoàn cảnh đầy khó khăn, gian khổ, địch đánh phá ác liệt các khu căn cứ; kiểm soát gắt gao các vùng chiếm đóng, tiêu diệt, phá hoại thực lực kháng chiến. Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam và các cấp ủy chấp hành và tổ chức thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng với tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, tự chủ, sáng tạo. Các cấp ủy Đảng, địa phương, chỉ đạo nhân dân Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế kháng chiến sát hợp với điều kiện cụ thể từng vùng ở Nam Bộ trên các lĩnh vực như: thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng đem lại ruộng đất cho dân cày và xây dựng đời sống kháng chiến ở Nam Bộ trên nguyên tắc bảo đảm khối đoàn kết dân tộc; thực hiện xây dựng kinh tế tự cấp tự túc, thực hành tiết kiệm, bảo vệ kinh tế kháng chiến gắn với với đấu tranh kinh tế với địch với nhiều hình thức, biện pháp mang lại kết quả. Trong quá trình đó, vai trò của các cấp bộ Đảng được phát huy; chính sách mặt trận đoàn kết rộng rãi ở Nam Bộ được bảo đảm; nhân dân được thỏa sức tham gia xây dựng, phát triển kinh tế, đóng góp xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền kháng chiến. Những kết quả đạt được trong xây dựng nền kinh tế kháng chiến của nhân dân Nam Bộ là sự nỗ lực rất lớn, tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, linh hoạt, sáng tạo của các Đảng bộ và đồng bào, chiến sĩ Nam Bộ, góp phần vào thực hiện thành công đường lối kháng chiến của Đảng “Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh” của Đảng trên địa bàn Nam Bộ.

1. Xem: *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 568

2. Thực hiện giảm tô 20 đến 25%. Khu 8, phong trào kháng chiến mạnh hơn, địa chủ giảm tô giảm từ 25 đến 45%; trong đó, giảm nhiều là ở Đồng Tháp Mười. Khu 9, đất rộng người thưa, là vùng căn cứ của ta, có nơi giảm đến 80%

3. Từ tháng 11-1945, Bộ Nội vụ ra Thông tư quy định giảm tô 25%, đến thời gian này Chủ tịch nước ra Sắc lệnh có bổ sung một số nội dung mới đem thêm lợi ích cho nông dân

4. Trung ương Cục miền Nam: “Báo cáo tình hình Nam Bộ năm 1952 của TWC”, ngày 26-12-1952, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

5. Võ Quang Anh: *Tài liệu về thời kỳ Lịch sử kháng chiến chống Pháp ở Tây Nam Bộ*, Hồi ký tư liệu nhân chứng lịch sử, 1997, tr. 112

6. Phân Liên khu ủy miền Đông: “Báo cáo tình hình cải cách ruộng đất từ sau Cách mạng tháng Tám và tình hình nông thôn hiện nay”, ngày 4-11-1953, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

7. Phân Liên khu ủy miền Tây: “Nghị quyết Về tình hình kinh tế tài chính của Phân liên Khu miền Tây” (đã được TWC thông qua), ngày 10-10-1952. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

8. Trung ương Cục miền Nam: “Báo cáo tình hình Nam Bộ năm 1952 của TWC”, ngày 26-12-1952. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 8, tr. 31

10. Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ: “Nghị quyết Hội nghị mở rộng”, từ ngày 16 đến ngày 20-2-1951. Tài liệu Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

11. Đảng Lao Động Việt Nam: Phân cục Trung ương miền Nam số 1645/CG (mật): “Báo cáo tình hình Nam Bộ”, ngày 26-12-1952. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

12. Đảng Lao động Việt Nam: “Ban Bí thư gửi TWC MN về nhiệm vụ năm 1954”. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

13. Xem: Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Những vấn đề chính yếu trong Lịch sử Nam Bộ kháng chiến 1945-1975*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 893

14. Trung ương Cục miền Nam: “Báo cáo tình hình Nam Bộ năm 1952 của Trung ương Cục”, ngày 26-12-1952. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.